

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 19/02/2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Đoàn Kim Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2018/TLST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST- DS, ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S

Trụ sở: Lầu 8, 266 – 268, đường N, phường 8, Quận 3, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc trung tâm thẻ (Theo văn bản ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017).

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: ông Huỳnh Công K – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro – chi nhánh An Giang (Theo văn bản ủy quyền số 1330/2018/UQ-TTT, ngày 01/7/2018) - (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Hồng N, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1066A/54, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 và tờ tự khai ngày 18/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Công K trình bày:

Ngày 17/8/2011, ông Võ Hồng N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với mục đích sử dụng vào tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N có sử dụng các giao dịch rút tiền và thanh toán định kỳ đến ngày 25/02/2015 thì ngưng không thanh toán dư nợ cũng như lãi phát sinh cho Ngân hàng. Đến ngày 26/9/2015, Ngân hàng S chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông N để thu hồi nợ, Ngân hàng nhiều lần điện thoại và tin nhắn, nhắc nhở nhưng ông N không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng); từ ngày 26/9/2015 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), tính đến ngày 10/10/2018 ông N còn nợ lại ngân hàng số tiền 18.830.238 đồng (trong đó vốn gốc là 8.581.263 đồng, lãi quá hạn là 10.248.975 đồng).

Do ông N vi phạm hợp đồng nên ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu ông Võ Hồng N phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/10/2018 là tổng cộng 18.830.238 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh tính từ ngày 11/10/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Công K vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Võ Hồng N phải có trách nhiệm trả nợ vay do sử dụng thẻ tín dụng cho ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử (19/02/2019) là 20.047.761 đồng (trong đó vốn là 8.581.263 đồng, lãi

quá hạn là 11.466.498 đồng); tiếp tục tính lãi suất phát sinh tính từ ngày 20/02/2019 trên vốn gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi tất toán số nợ.

Ông Võ Hồng N vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Hồng N theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hoà giải do Toà án thực hiện là không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N trả nợ gốc, lãi quá hạn là 20.047.761 đồng và lãi phát sinh từ ngày 20/02/2019 đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S với ông Võ Hồng N là tranh chấp hợp đồng dân sự nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S là nguyên đơn trong vụ án khởi kiện và xác định ông Võ Hồng Nguyên là bị đơn phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng ký văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Công K tham gia tố tụng tại tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông K tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Bị đơn ông Võ Hồng N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông N được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông Võ Hồng N không gây trở ngại cho việc xét xử.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.”* Do đó việc xác minh nơi cư trú của ông N cho thấy ông vẫn còn hộ khẩu ở địa phương do đó Tòa án niêm yết theo quy định. Căn cứ Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Hồng N.

- Về nội dung:

Theo đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Công K trình bày, ngày 17/8/2011 bị đơn ông Võ Hồng N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và được cấp thẻ tín dụng, với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với mục đích sử dụng vào tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (19/02/2019) là 20.047.761 đồng (vốn là 8.581.263 đồng, lãi quá hạn là 11.466.498 đồng; tiếp tục

yêu cầu tính lãi suất phát sinh tính từ ngày 20/02/2019 trên vốn gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi tất toán xong nợ.

Xét thấy, về hợp đồng sử dụng thẻ: tại các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S có quy định chi tiết về các mục phát hành thẻ, sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, các loại phí, điều khoản khác. Điều này thể hiện ông Võ Hồng N đã đồng ý các điều khoản và điều kiện cấp thẻ và đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng, đây là sự tự nguyện sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng của khách hàng đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Về lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng: tại thông báo 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S thể hiện mức lãi suất mới là 2,15%/tháng (mức lãi suất cũ 2,05%/tháng), ngày áp dụng kể từ ngày 05/7/2011, áp dụng cho tất cả thẻ tín dụng quốc tế S phát hành cho khách hàng. Quá trình sử dụng thẻ theo bảng tóm tắt sao kê đến ngày 19/02/2019 thể hiện bị đơn giao dịch lần đầu vào ngày 25/10/2011, ngày giao dịch lần cuối vào ngày 25/9/2014 và còn nợ ngân hàng số tiền gốc 8.581.263 đồng (được áp dụng lãi trong hạn 2,15%/tháng), kể từ ngày 26/9/2015 tính lãi quá hạn (bằng 150% lãi trong hạn là 3,225%/tháng).

Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Công K yêu cầu bị đơn phải thanh toán vốn, lãi tính đến ngày xét xử 19/02/2019 và yêu cầu tính trên nợ gốc kể từ ngày 20/02/2019 đến khi tất toán xong nợ.

Bị đơn ông Võ Hồng N đã vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S khởi kiện nhưng bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản là cố tình né tránh, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cũng như không giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S được tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Võ Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b, khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

[1] Buộc ông Võ Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S do Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S – chi nhánh An Giang đại diện nhận, tính đến ngày 19/02/2019 số tiền 20.047.761 đồng (hai mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng) trong đó vốn là 8.581.263 đồng, lãi là 11.466.498 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/02/2019, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.002.000 đồng (một triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S do Ngân hàng Thương Mại Cổ S – chi nhánh An Giang đại diện nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 643.000 đồng (sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009738 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP.L (02);
- THADS Tp.L (01);
- Các đương sự;
- Lưu VP (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyên